

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới;

Ông Nguyễn Văn Xem.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quốc Hi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1965; địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà với ông Nguyễn Văn L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 22/9/1995 hiện nay đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn là do trong quá trình chung sống thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn

không thể hàn gắn, bà với ông Nguyễn Văn L đã không còn sống chung với nhau từ năm 1995 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 22/9/1995 hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn xin giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về thời gian chung sống, con chung, không có đăng ký kết hôn; mâu thuẫn dẫn tới ly hôn là do trong quá trình chung sống thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, ông với bà Nguyễn Thị H đã không còn chung sống từ năm 1995 đến nay. Nay ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 22/9/1995 hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do trong quá trình chung sống thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn; nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn L cũng thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị H nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 22/9/1995 hiện nay đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong vụ kiện này nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L, về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Văn L cũng không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35, 36 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử sớm vụ án; đồng thời nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L cho rằng ông bà chung sống với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn; nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn L cũng thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị H nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L đều thống nhất quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày

22/9/1995 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L thống nhất khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị H được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Thị Thảo A, sinh ngày 22/9/1995 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem, xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính